

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

Cho kỳ kế toán Quý I từ ngày 01/04/2018 đến ngày
30/06/2018

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng	04 - 35
Bảng cân đối kế toán riêng	04 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán Quý IV từ ngày 01/01/2018 đến 31/03/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Vũ Trọng Long	Thành viên
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Bà: Phạm Hồng Dung	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Ông: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Hồ Thị Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban	
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông: Nguyễn Hoàng Tùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2018)
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2018)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/04/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		603.123.086.891	461.817.072.077
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	301.928.071.980	42.258.301.290
111	1. Tiền		69.928.071.980	42.258.301.290
112	2. Các khoản tương đương tiền		232.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	32.500.000.000	38.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		32.500.000.000	38.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		95.842.492.702	48.169.821.803
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	16.329.061.434	21.506.135.859
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	70.914.372.222	19.985.694.123
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	8.599.059.046	6.677.991.821
140	IV. Hàng tồn kho	08	171.335.575.053	332.818.466.702
141	1. Hàng tồn kho		171.335.575.053	332.818.466.702
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.516.947.156	570.482.282
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		565.718.945	565.718.945
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.763.337	1.763.337
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	949.464.874	3.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/04/2018
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.968.791.118.151	3.938.119.515.583
220	II. Tài sản cố định		78.536.600.084	74.526.520.945
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	25.475.637.018	21.415.848.797
222	- Nguyên giá		56.150.385.241	51.245.753.241
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.674.748.223)	(29.829.904.444)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	53.060.963.066	53.110.672.148
228	- Nguyên giá		56.329.385.890	56.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.268.422.824)	(3.218.713.742)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	253.831.508.652	254.322.175.740
231	- Nguyên giá		271.141.197.992	271.141.197.992
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.309.689.340)	(16.819.022.252)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	09	203.462.457.445	176.310.266.928
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		203.462.457.445	176.310.266.928
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	3.432.960.551.970	3.432.960.551.970
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.469.409.650.000	1.469.409.650.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.962.050.901.970	1.962.050.901.970
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.500.000.000	1.500.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.571.914.205.042	4.399.936.587.660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/04/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		571.225.675.263	461.176.801.493
310	I. Nợ ngắn hạn		83.810.875.613	120.322.001.843
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	7.148.527.733	7.875.184.058
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	53.600.513.212	92.183.819.557
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	17.777.414.265	14.422.698.951
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.620.959.104	3.679.097.980
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.525.865.236	2.023.605.234
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
330	II. Nợ dài hạn		487.414.799.650	340.854.799.650
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	442.599.160.450	298.249.160.450
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	44.815.639.200	42.605.639.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.000.688.529.779	3.938.759.786.167
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	4.000.688.529.779	3.938.759.786.167
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(219.996.488.178)	(219.996.488.178)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		590.744.877.957	528.816.134.345
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		528.816.134.345	15.744.380.888
421b	LNST chưa phân phối năm nay		61.928.743.612	513.071.753.457
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.571.914.205.042	4.399.936.587.660

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương



Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I
từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	VND	
			Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	249.337.165.630	555.030.004.978
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	822.921.000	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		248.514.244.630	555.030.004.978
11	4. Giá vốn hàng bán	23	168.715.949.478	409.827.481.418
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.798.295.152	145.202.523.560
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.937.514.161	2.723.802.557
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	25	1.195.886.330	465.847.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.129.043.667	3.710.492.629
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		77.410.879.316	143.749.986.488
31	11. Thu nhập khác		51.176	1.263.450.448
32	12. Chi phí khác		977	16
40	13. Lợi nhuận khác		50.199	1.263.450.432
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		77.410.929.515	145.013.436.920
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	15.482.185.903	29.002.687.384

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ kế toán Quý I
từ ngày 01/04/2018 đến ngày 30/06/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
		Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
69	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	VND
		61.928.743.612	116.010.749.536

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Phùng Thị Thu Hương

Bùi Thị Trà

Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2018	Từ 01/04/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		77.410.929.515	145.013.436.920
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.517.857.828)	(1.304.955.626)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.385.219.949	1.408.934.211
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.903.077.777)	(2.713.889.837)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		75.893.071.687	143.708.481.294
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(48.619.135.773)	10.303.838.931
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		161.482.891.649	(95.362.393.154)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		100.035.897.308	15.498.751.288
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	(1.197.485.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.679.209.441)	(11.052.615.629)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		281.113.515.430	61.898.577.730
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(32.056.822.517)	(5.293.224.085)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32.500.000.000)	(151.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		38.000.000.000	39.200.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.903.077.777	1.455.643.382
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(23.653.744.740)	(115.637.580.703)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.210.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.210.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		259.669.770.690	(53.739.002.973)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		42.258.301.290	305.525.150.603
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	301.928.071.980	251.786.147.630

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; tương đương 362.994.014 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán ô tô, xe máy;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất ô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi đề lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Riêng đối với các khoản vay phục vụ mục đích xây dựng, cải tạo các Chung cư cũ và theo Phương án tài chính của Hợp đồng BT, lãi vay sẽ được khấu trừ dần theo giá trị của diện tích đất được UBND Thành phố giao để thực hiện dự án khác và được Công ty ghi nhận là khoản Phải thu khác.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/04/2018
	VND	VND
Tiền mặt	8.989.726.488	624.301.101
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.938.345.492	41.634.000.189
Các khoản tương đương tiền	232.000.000.000	-
	<u>301.928.071.980</u>	<u>42.258.301.290</u>

Tại ngày 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 232.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5.3%/năm đến 5,4 %/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2018		01/04/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	32.500.000.000	32.500.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (*)	32.500.000.000	32.500.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000
Đầu tư dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng (*)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-
	34.000.000.000	34.000.000.000	39.500.000.000	38.000.000.000

(*) Tại ngày 30/06/2018, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 18 tháng có tổng giá trị 34 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tô Hiệu và Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 6,8%/năm đối với kỳ hạn 6 tháng và lãi suất 7,5% đối với kỳ hạn 18 tháng.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018		01/04/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	1.469.409.650.000	-	1.469.409.650.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	1.009.409.650.000	-	1.009.409.650.000	-
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Thịnh Hiệp	249.184.000.000	-	460.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Địa Ốc Thịnh Phát	210.816.000.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.962.050.901.970	-	1.962.050.901.970	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	266.000.000.000	-	266.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	134.400.000.000	-	134.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	312.000.000.000	-	312.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	252.000.000.000	-	252.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	223.200.000.000	-	223.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	774.450.901.970	-	774.450.901.970	-
	3.431.460.551.970	-	3.431.460.551.970	-

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên doanh, liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 3 l.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Thành phố Hà Nội	99,997%	99,997%	Đầu tư bất động sản
Công ty Cổ phần Xây Dựng Thịnh Hiệp	Thành phố Hải Phòng	95,84%	95,84%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Xây Dựng Địa Ốc Thịnh Phát	Thành phố Hải Phòng	95,83%	95,83%	Đầu tư xây dựng

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty con:

Theo Nghị quyết số 01/2018/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 05/06/2018 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp, Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp được tách thành 2 Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp với số vốn điều lệ sau khi tách là 260 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát (Công ty thành lập mới sau khi tách) với số vốn điều lệ sau khi tách là 220 tỷ đồng. Ngày 19/06/2018, Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201883362.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47,50%	47,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	45,00%	45,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản, vận tải ...
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	46,50%	46,50%	Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, xe máy, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	40,24%	40,24%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2018	01/04/2018
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	5.018.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	1.948.628.156	-
- Công ty TNHH ô tô Hồng Sơn Star	9.023.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	-	3.603.800.000
- Navistar, Inc	-	9.947.121.275
- Các khoản phải thu khách hàng khác	339.433.278	7.955.214.584
	16.329.061.434	21.506.135.859
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)</i>	6.966.628.156	3.663.800.000

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/04/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	39.237.771.000	-	-	-
- Công ty TNHH Song Hoàng	13.830.000.000	-	-	-
- NAVISTAR, INC	9.049.519.514	-	11.325.257.849	-
- Các khoản trả trước người bán khác	8.797.081.708	-	8.660.436.274	-
	70.914.372.222	-	19.985.694.123	-

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/04/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về dự lãi tiền gửi	2.599.059.046	-	677.991.821	-
- Phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng (*)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
	8.599.059.046	-	6.677.991.821	-

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời phục vụ Dự án Đầu tư Cải tạo, Xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Dự án Đồng Quốc Bình cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Kinh phí này sẽ được Trung tâm Phát triển Quỹ đất hoàn trả cho Công ty sau khi Kho bạc Nhà nước giải ngân kinh phí cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo phương án đã được phê duyệt.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/04/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	775.827.200	-	775.827.200	-
- Thành phẩm	138.901.288.216	-	152.885.041.243	-
- Hàng hóa	29.696.098.246	-	25.974.450.715	-
- Hàng gửi bán	1.962.361.391	-	153.183.147.544	-
	171.335.575.053	-	332.818.466.702	-

9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2018	01/04/2018
	VND	VND
- Dự án bất động sản đang triển khai		
+ Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi (1)	78.196.279.604	77.636.378.344
+ Dự án Bất động sản Hoang Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng (2)	83.055.736.803	82.267.089.978
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đông Quốc Bình (3)	7.628.923.686	4.906.910.572
+ Dự án khu thương mại và nhà ở HoanghuyMall tại phường Kênh Dương, phường Vĩnh Niệm, Hải Phòng (4)	28.718.419.041	8.095.640.368
+ Dự án Trung tâm dịch vụ Thương mại Cảnh Diềm (5)	2.822.033.810	2.271.195.030
+ Dự án đầu tư khác	2.548.136.138	640.124.273
- Xây dựng cơ bản dở dang		-
+ Xưởng sửa chữa bảo hành và Showroom ô tô	492.928.363	492.928.363
	203.462.457.445	176.310.266.928

(1) Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi tại Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) số 01/2017/HĐBT ngày 05/04/2017 với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng-(đại diện ký kết hợp đồng là Sở xây dựng thành phố Hải Phòng);
- Tổng mức đầu tư dự án: 109.627.000.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ tháng 04/2017 và kế hoạch hoàn thành vào ngày 30/11/2018;
- Tình trạng dự án đến 30/06/2018: Dự án đã hoàn thành và bàn giao 2 tòa nhà 6 tầng và 126 căn hộ cho Sở Xây dựng đưa vào sử dụng và tái định cư trở lại cho các hộ dân;

(2) Dự án Bất động sản Hoang Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng phê duyệt chủ trương theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 16/03/2018 với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.064.000.000.000 đồng;
- Phương thức thực hiện dự án: hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (xem thêm thuyết minh số 18);
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ quý I năm 2018 và dự kiến hoàn thành vào quý 1 năm 2023;
- Tình trạng dự án đến 30/06/2018: Dự án đang trong giai đoạn thi công xây dựng hạ tầng;

(3) Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình tại Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.712.263.286.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai vào ngày 05/03/2018 và dự kiến hoàn thành sau 24 tháng kể từ ngày mặt bằng đã được đền bù, giải phóng và bàn giao cho nhà đầu tư;
- Tình trạng dự án đến 30/06/2018: Dự án đang trong giai đoạn triển khai phần cọc đại trà và thi công tầng hầm;

(4) Dự án khu thương mại và nhà ở HoanghuyMail tại phường Kênh Dương, phường Vĩnh Niệm, Hải Phòng với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 605.045.863.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ quý I năm 2018 và dự kiến hoàn thành vào quý I năm 2023;
- Tình trạng dự án đến 30/06/2018: Dự án đang trong giai đoạn bồi thường giải phóng mặt bằng, đã phát sinh các chi phí như lập hồ sơ cấp phép, chi phí thiết kế, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng;

(5) Dự án Trung tâm dịch vụ Thương mại Cảnh Diêu với mục đích xây dựng nhà trưng bày sản phẩm tại phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tình trạng dự án đến 30/06/2018: Dự án đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai, đã phát sinh các chi phí như chi phí lập hồ sơ cấp phép, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng...

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.136.565.238	2.210.114.096	7.868.278.636	954.885.771	75.909.500	51.245.753.241
- Mua trong năm	-	-	4.904.632.000	-	-	4.904.632.000
Số dư cuối năm	40.136.565.238	2.210.114.096	12.772.910.636	954.885.771	75.909.500	56.150.385.241
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.812.085.644	2.195.182.134	6.212.153.428	534.573.738	75.909.500	29.829.904.444
- Khấu hao trong năm	577.943.967	9.492.495	191.916.891	65.490.426	-	844.843.779
Số dư cuối năm	21.390.029.611	2.204.674.629	6.404.070.319	600.064.164	75.909.500	30.674.748.223
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	19.324.479.594	14.931.962	1.656.125.208	420.312.033	-	21.415.848.797
Tại ngày cuối năm	18.746.535.627	5.439.467	6.368.840.317	354.821.607	-	25.475.637.018

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.867.428.263 đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Số dư cuối năm	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.106.817.552	111.896.190	3.218.713.742
- Khấu hao trong năm	49.709.082	-	49.709.082
Số dư cuối năm	3.156.526.634	111.896.190	3.268.422.824
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	53.110.672.148	-	53.110.672.148
Tại ngày cuối năm	53.060.963.066	-	53.060.963.066

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	195.000.000.000	76.141.197.992	271.141.197.992
Số dư cuối năm	195.000.000.000	76.141.197.992	271.141.197.992
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	16.819.022.252	16.819.022.252
- Khấu hao trong năm	-	490.667.088	490.667.088
Số dư cuối năm	-	17.309.689.340	17.309.689.340
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	195.000.000.000	59.322.175.740	254.322.175.740
Tại ngày cuối năm	195.000.000.000	58.831.508.652	253.831.508.652

(1): Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 183 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và một phần nhà cửa, phân xưởng cho thuê tại thành phố Hải Phòng theo phương thức cho thuê thu tiền hàng năm.

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/04/2018		Trong năm		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (1)	42.605.639.200	85.211.278.400	2.210.000.000	-	44.815.639.200	44.815.639.200
	<u>42.605.639.200</u>	<u>85.211.278.400</u>	<u>2.210.000.000</u>	<u>-</u>	<u>44.815.639.200</u>	<u>44.815.639.200</u>
	-	-	-	-	-	-
	<u>42.605.639.200</u>	<u>85.211.278.400</u>			<u>44.815.639.200</u>	<u>44.815.639.200</u>

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 371/2017/HĐTD/PHG/01 ngày 7/8/2017 bao gồm các điều khoản sau:
 - + Số tiền vay: 93.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán chi phí thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao giữa Sở Xây dựng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
 - + Thời hạn cho vay: Từ ngày giải ngân đến 30/06/2019;
 - + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
 - + Phương thức bảo đảm: Đảm bảo bằng quyền tài sản hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, quận Ngô Quyền số 01/2017/HĐBT giữa Sở Xây dựng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy ngày 05/04/2017;
 - + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/03/2018 là 44.815.639.200 đồng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/04/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Quân	348.537.620	348.537.620	348.537.620	348.537.620
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn		-	1.136.723.200	1.136.723.200
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	6.253.341.600	6.253.341.600	6.253.341.600	6.253.341.600
- Phải trả các đối tượng khác	546.648.513	546.648.513	136.581.638	136.581.638
	7.148.527.733	7.148.527.733	7.875.184.058	7.875.184.058

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/04/2018
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	5.158.500.000	38.642.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	5.478.500.000	14.934.500.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	14.865.499.999	9.056.499.999
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	518.500.000	6.314.500.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	10.922.785.000	5.957.785.000
- Công ty TNHH Ô tô Hồng Sơn Star	3.981.000.000	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	12.675.728.213	17.278.034.558
	53.600.513.212	92.183.819.557

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	7.454.923.306	15.431.084.815	19.874.111.796	3.011.896.325
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	475.093.638	475.093.638	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.943.698.084	15.482.185.903	7.679.209.441	14.746.674.546
- Thuế thu nhập cá nhân	-	24.077.561	18.843.394	24.077.561	18.843.394
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	949.464.874	949.464.874	-
- Các loại thuế khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-
	3.000.000	14.422.698.951	31.410.207.750	29.001.957.310	17.777.414.265

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/04/2018
	VND	VND
- Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà văn phòng cho thuê tại 183 Bà Triệu, Hà Nội	3.620.959.104	3.679.097.980
	3.620.959.104	3.679.097.980

18. PHẢI TRẢ KHÁC DÀI HẠN

	30/06/2018	01/04/2018
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.008.477.246	1.008.477.246
- Các khoản phải trả phải nộp khác	441.590.683.204	297.240.683.204
<i>Nhận tiền góp vốn kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (1)</i>	<i>441.500.000.000</i>	<i>297.150.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>90.683.204</i>	<i>90.683.204</i>
	442.599.160.450	298.249.160.450

(1): Nhận góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 168/HTKD ngày 16/08/2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: hợp tác kinh doanh Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình và Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Riverside;
 - Các bên tham gia và tỷ lệ góp vốn:
 - + Tổng mức đầu tư dự tính của các dự án là hơn 2.885 tỷ đồng;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) góp 500 tỷ đồng bằng tiền;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) góp phần còn lại bằng tiền, quyền khai thác dự án, quyền sử dụng đất tại các dự án. Đồng thời, Công ty (TCH) là đơn vị chịu trách nhiệm kế toán cho Hợp đồng hợp tác kinh doanh;
 - Trách nhiệm của các bên:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) có trách nhiệm góp đủ số vốn cam kết theo tiến độ do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) thông báo, tham gia ý kiến trong việc điều hành, quản lý dự án, tiêu thụ sản phẩm của dự án;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục pháp lý để thực hiện dự án, điều hành mọi hoạt động của dự án, quyết định giá bán sản phẩm, chuyển lợi nhuận và hoàn trả vốn góp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) theo quy định của hợp đồng;
 - Phân chia kết quả: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) được hưởng 25% lợi nhuận sau thuế của dự án Hoàng Huy Riverside hàng năm, phần còn lại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) được
 - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy được quyền ưu tiên mua lại một phần hoặc toàn bộ các sản phẩm của dự án Hoàng Huy Riverside để thực hiện đầu tư, phân phối sản phẩm tới người tiêu dùng.
- (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 9).

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/04/2018
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản	1.525.865.236	2.023.605.234
	1.525.865.236	2.023.605.234

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.629.940.140.000	-	306.139.592.088	3.936.079.732.088
Lãi trong năm trước	-	-	116.010.749.536	116.010.749.536
Số dư cuối năm trước	3.629.940.140.000	-	422.150.341.624	4.052.090.481.624
Số dư đầu năm nay	3.629.940.140.000	(219.996.488.178)	528.816.134.345	3.938.759.786.167
Lãi trong năm nay	-	-	61.928.743.612	61.928.743.612
Số dư cuối năm nay	3.629.940.140.000	(219.996.488.178)	590.744.877.957	4.000.688.529.779

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Ông Đỗ Hữu Hạ	1.510.836.250.000	41,62%	1.510.836.250.000	41,62%
- Ông Đỗ Hữu Hậu	181.500.000.000	5,00%	181.500.000.000	5,00%
- Cổ đông khác	1.840.379.390.000	50,70%	1.937.603.890.000	53,38%
- Cổ phiếu quỹ mua lại của các cổ đông	97.224.500.000	2,68%	-	0,00%
Tổng cộng	3.629.940.140.000	100%	3.629.940.140.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
- Vốn góp cuối năm	3.629.940.140.000	3.629.940.140.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2018	01/04/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	362.994.014	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.722.450	9.722.450
- Cổ phiếu phổ thông	9.722.450	9.722.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	353.271.564	353.271.564
- Cổ phiếu phổ thông	353.271.564	353.271.564
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	264.167.273	1.335.854.546
Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	-	9.304.818.180
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện thu hồi	244.372.747.603	539.677.274.290
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.700.250.754	4.712.057.962
	249.337.165.630	555.030.004.978
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	217.612.003.155	508.742.809.197

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
- Giảm giá hàng bán	822.921.000	-
	822.921.000	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	198.848.189	3.230.775.681
Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán	-	6.645.403.550
Giá vốn của Ô tô đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi	166.526.488.749	398.163.877.786
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.990.612.540	1.787.424.401
	168.715.949.478	409.827.481.418

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.903.077.777	2.713.889.837
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	34.436.384	9.912.720
	2.937.514.161	2.723.802.557

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	524.493.213	268.659.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	671.393.117	197.187.220
	1.195.886.330	465.847.000

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	796.503.473	452.861.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	759.975.150	763.553.277
Thuế, phí, và lệ phí	51.177.103	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.521.387.941	2.356.241.462
Chi phí khác bằng tiền	-	137.836.712
	4.129.043.667	3.710.492.629

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	77.410.929.515	145.013.436.920
Thu nhập chịu thuế TNDN	77.410.929.515	145.013.436.920
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	15.482.185.903	29.002.687.384
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.943.698.084	10.317.304.272
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(7.679.209.441)	(11.052.615.629)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	14.746.674.546	28.267.376.027

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2018		01/04/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	301.928.071.980	-	42.258.301.290	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.928.120.480	-	28.184.127.680	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	34.000.000.000	-	39.500.000.000	-
	360.856.192.460	-	109.942.428.970	-

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2018	01/04/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	44.815.639.200	42.605.639.200
Phải trả người bán, phải trả khác	449.747.688.183	306.124.344.508
Chi phí phải trả	3.620.959.104	3.679.097.980
	498.184.286.487	352.409.081.688

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2018	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	301.928.071.980	-	-	301.928.071.980
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.928.120.480	-	-	24.928.120.480
Các khoản đầu tư ngắn hạn	32.500.000.000	1.500.000.000	-	34.000.000.000
	359.356.192.460	1.500.000.000	-	360.856.192.460
Tại ngày 01/04/2018	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.258.301.290	-	-	42.258.301.290
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.184.127.680	-	-	28.184.127.680
Các khoản đầu tư ngắn hạn	38.000.000.000	1.500.000.000	-	39.500.000.000
	108.442.428.970	1.500.000.000	-	109.942.428.970

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2018	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	-	44.815.639.200	-	44.815.639.200
Phải trả người bán, phải trả khác	7.148.527.733	442.599.160.450	-	449.747.688.183
Chi phí phải trả	3.620.959.104	-	-	3.620.959.104
	10.769.486.837	487.414.799.650	-	498.184.286.487
Tại ngày 01/04/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.875.184.058	298.249.160.450	-	306.124.344.508
Chi phí phải trả	3.679.097.980	-	-	3.679.097.980
	11.554.282.038	298.249.160.450	-	309.803.442.488

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xe đầu kéo chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2018	Từ 01/04/2017
		đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		217.612.003.155	508.742.809.197
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	44.599.999.992	95.156.363.661
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	26.879.090.907	62.014.545.464
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	12.760.612.270	15.967.081.823
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	12.212.727.273	16.270.909.093
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	28.772.727.268	30.254.545.465
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	53.906.363.632	198.524.545.502
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	4.561.818.181	9.354.818.180
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	22.976.363.635	33.012.727.283
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Khoản đầu tư của công ty con	10.942.299.997	48.187.272.726
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm			
	Mối quan hệ	30/06/2018	01/04/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		6.966.628.156	3.663.800.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	1.948.628.156	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	5.018.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	-	3.603.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Công ty con	-	60.000.000

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/04/2018
		VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		35.500.484.999	82.896.730.344
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	10.922.785.000	5.957.785.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	518.500.000	6.314.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết		4.145.045.344
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	3.639.000.000	1.264.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	14.865.499.999	9.056.499.999
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	5.158.500.000	38.642.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	-	2.581.900.001
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	-	14.934.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	396.200.000	-

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

33. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ 1 NĂM TÀI CHÍNH 2018 SO VỚI CÙNG KỲ

Quý 1 năm tài chính 2018, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty mẹ đạt 248,5 tỷ đồng, giảm 55,1% so với cùng kỳ bởi một số thay đổi trong kế hoạch phân phối xe. Do vậy, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 61,9 tỷ đồng, giảm 46,62% so với cùng kỳ.

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

